

Bản án số: 661/2022/DSST
Ngày: 10/3/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Phước.

2. Ông Nguyễn Cửu Long.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/3/2022, tại phòng xử án dân sự của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2021/TLST-DS ngày 07/4/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2022/QĐXXST-DS ngày 11/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 595/2022/QĐ-HPT ngày 08/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: số X đường P, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc (Phòng giao dịch A): Số X đường B, Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trần Minh D, sinh năm 1975. Theo Quyết định ủy quyền thường xuyên số 1012/QĐ-DAB-PC ngày 23/06/2021. (*ông D có mặt*)

Bị đơn: Ông Võ Văn Q, sinh năm 1992.

Thường trú: số X đường Y, Khu phố Z, phường T, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: số X đường Y, phường T, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. (*ông Q vắng mặt*)

NHẬN THẤY

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/4/2021, nguyên đơn - Ngân hàng T trình bày:

Ông Võ Văn Q có quan hệ vay tín dụng với Ngân hàng T – Chi nhánh T – Phòng giao dịch A (gọi tắt Ngân hàng T), chi tiết như sau:

1. Hợp đồng số 0130747301T16008: Số tiền đề nghị vay: 30.000.000 đồng theo giấy đăng ký vay tiền trả góp (kiêm khế ước nhận nợ) ngày 21/06/2016 và phê duyệt của Ngân hàng ngày 29/06/2016, chi tiết như sau: Lãi suất: 8%/năm; Số tiền: 30.000.000 đồng; Thời hạn vay: 24 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng. Biện pháp đảm bảo: Tín chấp

Quá trình thực hiện trả nợ vay từ ngày 01/07/2016 đến ngày 07/02/2018, ông Võ Văn Q đã thanh toán: Vốn 21.642.961 đồng; Lãi trong hạn 4.470.497 đồng. Tổng cộng: 26.113.458 đồng.

2. Hợp đồng số 0130747301T17009: Số tiền đề nghị vay: 10.000.000 đồng, theo giấy đăng ký vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 18/5/2017, và phê duyệt của Ngân hàng ngày 23/5/2017. Ông Võ Văn Q nhận nợ theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 0130747301T17009 ngày 26/5/2017, chi tiết như sau: Số tiền: 10.000.000 đồng; Lãi suất: 8%/năm; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Biện pháp đảm bảo: Tín chấp.

Quá trình vay vốn từ ngày 26/5/2017 đến 07/02/2018, ông Võ Văn Q đã thanh toán: Vốn 6.502.564 đồng; Lãi trong hạn 697.436 đồng. Tổng cộng: 7.200.000 đồng.

Do ông Võ Văn Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với 02 khoản vay tín dụng này nên từ ngày 08/02/2018 Ngân hàng T đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến khi khởi kiện ngày 06/4/2021, ông Võ Văn Q còn nợ gốc và lãi tổng số tiền 16.489.073 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện cho Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Văn Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tổng số nợ tín dụng còn nợ (tính đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022) là 17.554.851 đồng, chi tiết gồm các khoản:

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T16008: Nợ gốc 8.357.039 đồng; Lãi trong hạn 2.692.569 đồng, lãi quá hạn 1.346.285 đồng. Cộng: 12.395.893 đồng.

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T17009: Nợ gốc 3.497.436 đồng; Lãi trong hạn 1.107.681 đồng, lãi quá hạn 553.841 đồng. Cộng: 5.158.958 đồng.

Lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 11/3/2022 đến khi ông Võ Văn Q thực trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là 12%/năm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Kiểm tra việc giải quyết vụ án dân sự đã được thụ lý lại số 213/2021/TLST-DS ngày 07/4/2021, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án ngày 07/4/2021 đến ngày 11/01/2022 Thẩm phán ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn

chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Phiên tòa thủ tục tố tụng và xét xử công khai tuân thủ đúng luật định. Chủ tọa phiên tòa đã công bố ý kiến, lời khai của đương sự tại phiên tòa.

Về yêu cầu của đương sự: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ có tại hồ sơ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Võ Văn Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tổng số nợ tín dụng còn nợ (tính đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022) là 17.554.851 đồng.

Lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 11/3/2022 đến khi ông Võ Văn Q thực trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là 12%/năm.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi xem xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được công bố, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện:

Vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa một trong các chủ thể có đăng ký kinh doanh là tranh chấp dân sự, có mục đích tiêu dùng, còn thời hiệu khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là ông Võ Văn Q đang cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1, điều 35; điểm a khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Quá trình tố tụng vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức không tham gia phiên tòa sơ thẩm vì không thuộc trường hợp được quy định tại khoản 2 điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn là ông Võ Văn Q đã được Tòa án thông báo việc thu lý vụ án, thông báo tham gia các phiên hòa giải, và thông báo các phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn đều vắng mặt, không lý do nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Võ Văn Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Phạm vi giải quyết vụ án: Bị đơn không tham gia tố tụng vụ án, không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của bị đơn nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi các yêu cầu của nguyên đơn.

Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bổ sung. Xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu và chứng cứ của nguyên đơn giao nộp và bổ sung tại phiên tòa, là đảm bảo nguyên tắc cung cấp chứng cứ và chứng

minh trong vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 điều 6, điều 91, 92, 95, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Nhận thấy Hợp đồng số 0130747301T16008 ngày 01/7/2016, Hợp đồng số 0130747301T17009 ngày 26/5/2017 cùng Khế ước nhận nợ là hợp đồng tín dụng có hình thức, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật nên là giao dịch hợp pháp, có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên và được điều chỉnh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và các quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay tín dụng nhằm mục đích sinh hoạt, tiêu dùng.

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T16008 ngày 01/7/2016, quá trình vay vốn từ ngày 01/07/2016 đến ngày 07/02/2018, ông Võ Văn Q đã thanh toán cho Ngân hàng T được các khoản: Vốn 21.642.961 đồng; Lãi trong hạn 4.470.497 đồng. Tổng cộng: 26.113.458 đồng. Dư nợ tính đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022 gồm: Nợ gốc 8.357.039 đồng; Lãi trong hạn 2.692.569 đồng, lãi quá hạn 1.346.285 đồng. Cộng: 12.395.893 đồng.

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T17009 ngày 26/5/2017, quá trình vay vốn từ ngày 26/5/2017 đến 07/02/2018, ông Võ Văn Q đã thanh toán cho Ngân hàng T được các khoản: Vốn 6.502.564 đồng; Lãi trong hạn 697.436 đồng. Tổng cộng: 7.200.000 đồng. Dư nợ tính đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022 gồm: Nợ gốc 3.497.436 đồng; Lãi trong hạn 1.107.681 đồng, lãi quá hạn 553.841 đồng. Cộng: 5.158.958 đồng.

Xét thấy các khoản nợ này là xác thực, phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp theo Bảng tính lãi phát sinh lập ngày 10/3/2022 của Ngân hàng T. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Võ Văn Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tổng số nợ tín dụng còn nợ (tính đến khi xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2022) là 17.554.851 đồng, chi tiết gồm các khoản:

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T16008: Nợ gốc 8.357.039 đồng; Lãi trong hạn 2.692.569 đồng, lãi quá hạn 1.346.285 đồng. Cộng: 12.395.893 đồng.

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T17009: Nợ gốc 3.497.436 đồng; Lãi trong hạn 1.107.681 đồng, lãi quá hạn 553.841 đồng. Cộng: 5.158.958 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ngân hàng T quyết định thu hồi toàn bộ nợ và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn 150% trên toàn bộ dư nợ gốc là đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và theo quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Xét thấy lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ vốn tương ứng, kể từ ngày 11/3/2022 cho đến khi trả hết nợ vốn theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận 12%/năm là phù hợp theo quy định tại hợp đồng tín dụng nên xét chấp nhận.

[4] *Xét các ý kiến của Kiểm sát viên:* Ghi nhận và rút kinh nghiệm ý kiến của Kiểm sát viên về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thông nhất với ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất về việc buộc ông Võ Văn Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T toàn bộ nợ vay và lãi phát sinh.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn, ông Võ Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng T được Tòa án chấp nhận;

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, và được trả lại toàn bộ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92; Điều 95, 96 và Điều 210; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227, 228; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ theo các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng; và Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động thẻ ngân hàng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay tín dụng của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9; Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc ông Võ Văn Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T tổng số nợ tín dụng còn nợ (tính đến ngày 10/3/2022) là 17.554.851đ (*Mười bảy triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn, tám trăm năm mươi một đồng*), chi tiết gồm các khoản:

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T16008: Nợ gốc 8.357.039 đồng; Lãi trong hạn 2.692.569 đồng, lãi quá hạn 1.346.285 đồng. Cộng: 12.395.893 đồng.

- Đối với Hợp đồng số 0130747301T17009: Nợ gốc 3.497.436 đồng; Lãi trong hạn 1.107.681 đồng, lãi quá hạn 553.841 đồng. Cộng: 5.158.958 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Lãi tiếp tục phát sinh trên dư nợ gốc tương ứng, kể từ ngày 11/3/2022 đến khi ông Võ Văn Q thực trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là 12%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn là ông Võ Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 877.734 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trả lại cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 412.227 đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0028651 ngày 07/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THA DS thành phố Thủ Đức;
- TAND TP HCM;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Chí Quang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA